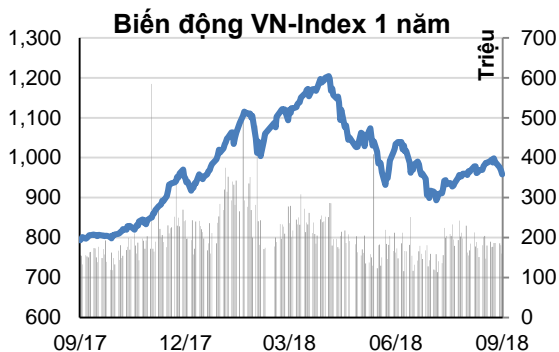


Biến động thị trường

	18/09	1T (%)	3T (%)
VN Index	993	2.5%	0.6%
GTGD	4,696	(Tỷ đồng)	
Khối ngoại mua ròng	-83	(Tỷ đồng)	

Nguồn: Bloomberg-Finpro



Trái phiếu và Hàng hóa

	18-09	1T	3T
Lãi suất TPCP 1 năm	4.032%	4.263%	2.353%
Lãi suất TPCP 3 năm	4.220%	4.538%	3.088%
Lãi suất TPCP 10 năm	5.113%	5.113%	4.833%
Dầu WTI (\$/thùng)	69.83	65.91	65.85
Gold (\$/oz)	1,199	1,185	1,278

Nguồn: Bloomberg

Dự phóng LNDN của KISVN

	2017	TTM	2018E	2019E
Tăng trưởng LNDN (%)	25.6%	26.4%	20.8%	18.7%
PER Forward (x)	18.4	19.8	16.9	14.3

Phạm Tấn Phát

(+84 8) 3914 8585 - Ext: 1468
Phat.pt@kisvn.vn
www.kisvn.vn

Trần Trương Mạnh Hiếu

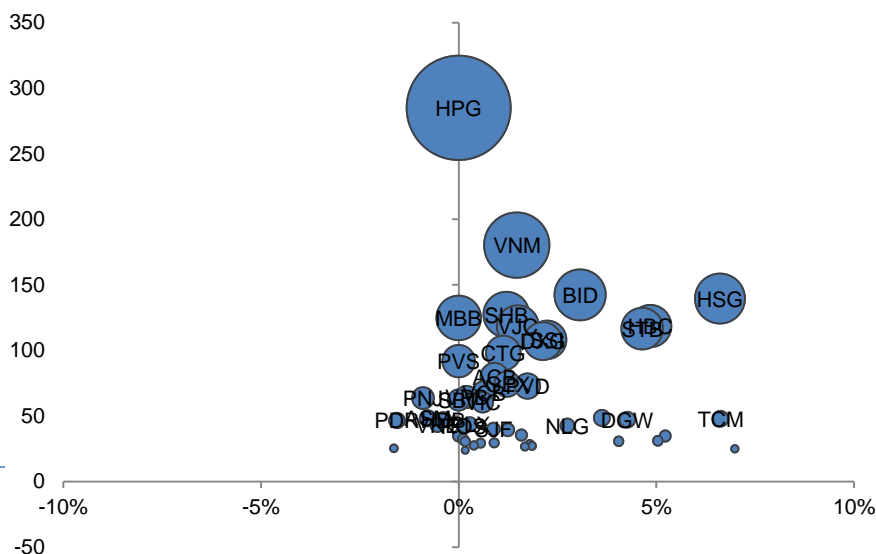
(+84 28) 3914 8585 - Ext: 1464
Hieu.ttm@kisvn.vn
www.kisvn.vn

Bên mua chiếm ưu thế

- Vào thứ hai, Tổng thống Donald Trump cho biết ông sẽ áp mức thuế suất 10% lên 200 tỷ đô la hàng hóa từ Trung Quốc, có hiệu lực từ ngày 24/09. Thuế suất sẽ tăng lên 25% vào cuối năm nay và Mỹ sẽ cân nhắc đánh thuế thêm lên 267 tỷ đô la hàng hóa nếu Trung Quốc trả đũa. Động thái này đang làm mối quan hệ thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc trở nên căng thẳng.
- Thị trường chứng khoán phản ứng tiêu cực với thông tin trên vào phiên sáng nhưng lại đảo chiều và đóng cửa với mức tăng 0.6% nhờ lực cầu chiếm ưu thế. Thanh khoản đi lên với 170 triệu cổ phiếu khớp lệnh tương đương 3,736 tỷ đồng giá trị.
- Trên sàn HSX, độ rộng thị trường tỏ ra tích cực khi có 182 mã tăng và 102 mã giảm. VN30-Index, VNSmall-Index và đặc biệt là VNMid-Index phục hồi với mức tăng tương ứng 0.62%, 0.71% và 0.91%.
- Ngân hàng và bảo hiểm trở thành nhóm dẫn dắt thị trường với đầu tàu là các cổ phiếu BVH, BID, VCB, CTG và STB. Thêm vào đó, FPT, CTD, MWG, REE, SSI, VJC và VNM cũng bứt phá trên 1%, đặc biệt HSG tăng trần và trởng bên bán. Chiều ngược lại, lực bán làm một số cổ phiếu bluechip chìm trong sắc đỏ như VHM, MSN và PNJ.
- Khối ngoại quay lại bán ròng với giá trị 83 tỷ đồng. HPG, DIG và VRE được bán ra nhiều nhất với giá trị 15.4 tỷ đồng, 14.9 tỷ đồng và 10.6 tỷ đồng. Ở chiều mua, nhóm này tập trung mua vào SSI, VNM và PLX.

Nhận định thị trường: Dòng tiền đang nhập cuộc tích cực vào thị trường. Tuy nhiên, rủi ro điều chỉnh vẫn còn và VN-Index vẫn rung lắc khi tiếp cận mốc 1,000 điểm. Nhà đầu tư cần thận trọng và chờ đợi tín hiệu phá vỡ trước khi hành động.

Bản đồ giao dịch



Chú thích: trục ngang – biến động giá, trục dọc – giá trị giao dịch (tỷ đồng)

Phân tích kỹ thuật

VN-Index

Hỗ trợ 1: 940-950

Kháng cự 1: 1,000-1,010

Hỗ trợ 2: 885-890

Kháng cự 2: 1,035-1,040

Quan điểm kỹ thuật 20 ngày



VN-Index bật tăng từ MA(20) tương ứng vùng hỗ trợ ngắn hạn tại 979-982 điểm mà chúng tôi đề cập gần đây. Khối lượng đạt mức cao với 171 triệu đơn vị phản ánh bên mua đang chiếm thế chủ động.

Ở góc độ ngắn hạn (20 ngày), xu hướng của VN-Index vẫn đang trong nhịp tăng điểm từ phiên 07/09/2018. Giá vẫn đang gặp thử thách tại vùng kháng cự quanh 996-1,000 điểm, mức cao gần đây. Hành động giá gần đây cho thấy nỗ lực break-out lên khỏi vùng giá kể trên đang gặp nhiều thử thách. Nhà đầu tư nên theo dõi diễn biến giá tại vùng kháng cự kể trên để xác định xu hướng của chỉ số trong thời gian tới.

Ở góc độ trung hạn, VN-Index đang đi ngang kể từ cuối tháng 05/2018 với mẫu hình sóng Flat (đánh dấu A-B-C) với sóng C có thể kết thúc quanh vùng giá mục tiêu 1,000-1,012 điểm.

Hành động

VN-Index vẫn bảo toàn xu hướng tăng nhưng chỉ số đang trong vùng giá tương đối nhạy cảm. Nhà đầu tư chỉ nên trading với tiền mặt và có thể tiếp tục nắm giữ các cổ phiếu có xung lực tốt với dòng tiền tham gia mạnh.

Thống kê thị trường

SÀN GIAO DỊCH HSX

		Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)	Thống kê tăng/giảm	
VN-Index	993	5.88	0.6%	SL CP tăng giá	182
KLGD ('000 cổ phiếu)	197,385	32,776	19.9%	SL CP giảm giá	102
GTGD (tỷ VND)	4,696	793	20.3%	SL CP không đổi	81

Top 5 cổ phiếu Leader				Top 5 cổ phiếu Laggard				Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)			
Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	VND	Điểm		VND	VND	Điểm		VND	triệu cp	đồng
BID	35,250	1,050	1.13	VHM	104,600	-900	-0.759	HPG	39,450	7.28	284.9
VNM	138,000	2,000	0.91	MSN	90,100	-1,500	-0.549	VNM	138,000	1.31	180.3
BVH	97,000	3,000	0.66	VRE	37,000	-200	-0.120	BID	35,250	4.13	142.3
VIC	99,600	600	0.60	BHN	83,000	-1,400	-0.102	HSG	12,100	11.78	139.6
VCB	63,300	400	0.45	SCS	150,000	-5,000	-0.079	MBB	22,100	5.68	124.7

Top 5 Ngành Tăng			Top 5 Ngành Giảm		
Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm		%	Điểm
CNTT	1.6%	0.15	Bất động sản	0.0%	-0.06
Tài chính	1.2%	3.26			
Khác	1.1%	0.03			
TD không thiết yếu	1.1%	0.23			
Công nghiệp	1.0%	0.80			

SÀN GIAO DỊCH HNX

		Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)	Thống kê tăng/giảm	
HNX-Index	114	0.84	0.7%	SL CP tăng giá	102
KLGD ('000 cổ phiếu)	51,447	8,074	18.6%	SL CP giảm giá	67
GTGD (tỷ VND)	630	66	11.6%	SL CP không đổi	205

Top 5 cổ phiếu Leader				Top 5 cổ phiếu Laggard				Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)			
Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	VND	Điểm		VND	VND	Điểm		VND	triệu cp	đồng
ACB	33,500	300	0.38	NVB	8,500	-300	-0.09	SHB	8,400	15.35	127.3
VCS	98,000	4,700	0.16	DL1	33,800	-500	-0.03	PVS	22,800	4.06	91.8
SHB	8,400	100	0.11	DBC	28,200	-300	-0.02	ACB	33,500	2.42	79.9
VGC	18,700	400	0.08	SLS	67,900	-2,100	-0.01	TNG	14,000	2.80	38.6
CEO	14,100	700	0.07	HJS	22,400	-2,300	-0.01	CEO	14,100	2.51	34.7

Top 5 Ngành Tăng			Top 5 Ngành Giảm		
Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm		%	Điểm
CNTT	45.8%	0.00	Dịch vụ tiện ích	-2.4%	-0.01
Khác	20.1%	-0.02			
Công nghiệp	10.4%	0.17			
TD không thiết yếu	9.5%	0.07			
Nguyên vật liệu	9.2%	0.16			

Giao dịch khối ngoại

HOSE

Top 5 CP nước ngoài mua ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
SSI	32,000	16.1	0.7	15.4
VNM	138,000	167.7	152.9	14.9
PLX	71,400	10.6	0.0	10.6
VIC	99,600	33.9	25.1	8.8
GEX	28,900	18.0	11.6	6.3

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
HPG	39,450	82.7	125.5	-42.9
DIG	16,850	0.0	20.6	-20.5
VRE	37,000	17.6	34.0	-16.4
PDR	25,200	0.1	14.3	-14.2
LDG	15,200	0.0	10.9	-10.9

HNX

Top 5 CP nước ngoài mua ròng

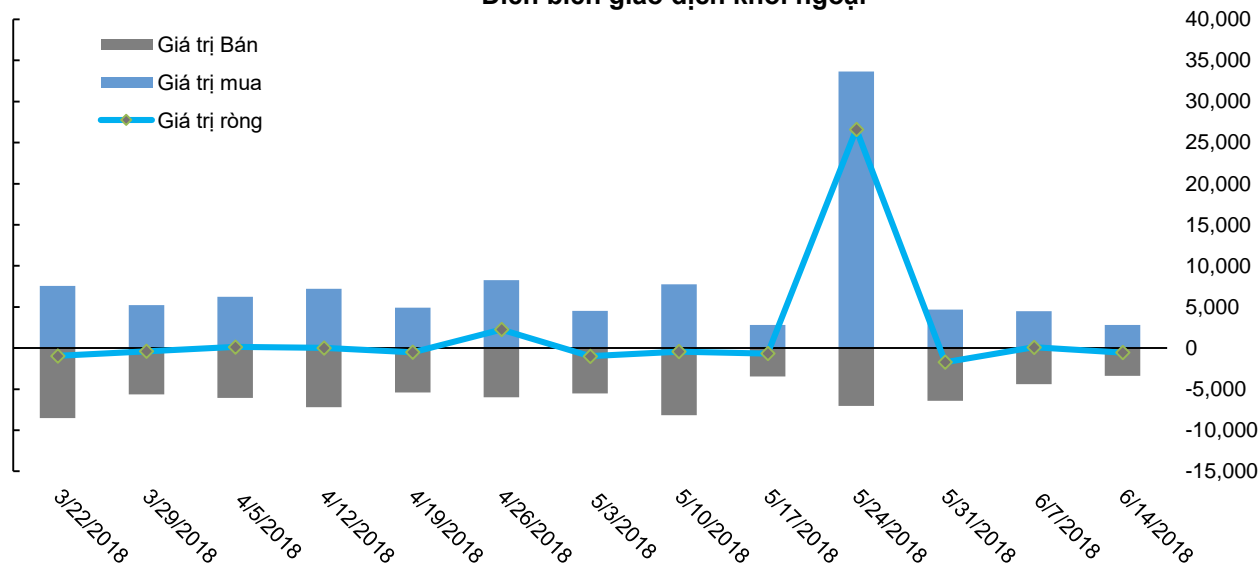
Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
CEO	14,100	6.3	0.0	6.3
SHS	16,500	4.8	0.2	4.6
SHB	8,400	2.3	0.1	2.2
VGC	18,700	1.7	0.0	1.7
PVS	22,800	3.5	2.1	1.4

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
VIX	8,200	0.0	72.7	-72.7
TNG	14,000	1.2	9.2	-8.1
WCS	127,000	0.0	0.0	0.0
PVB	22,000	0.0	0.3	-0.3
ALV	3,100	0.0	0.1	-0.1

(VNDbn)

Diễn biến giao dịch khối ngoại



Thị trường phái sinh

Quan điểm kỹ thuật VN30-Index

Hỗ trợ 1: 920

Kháng cự 1: 960

Hỗ trợ 2: 900

Kháng cự 2: 975



Nhận định xu hướng: VN30-Index bật tăng trở lại đồng thời đóng cửa ở mức cao nhất phiên đã phủ nhận tín hiệu của phiên giảm điểm liền trước. Với cây nến tăng điểm kèm theo khối lượng gia tăng cho thấy bên mua đang chiếm thế chủ động, phản ánh đà tăng sẽ duy trì trong phiên kế tiếp.

Các chỉ báo xung lực giá và xu hướng như RSI và MACD vẫn đang cho tín hiệu trung lập. Vùng 960-970 điểm vẫn đang là kháng cự mạnh cho chỉ số.

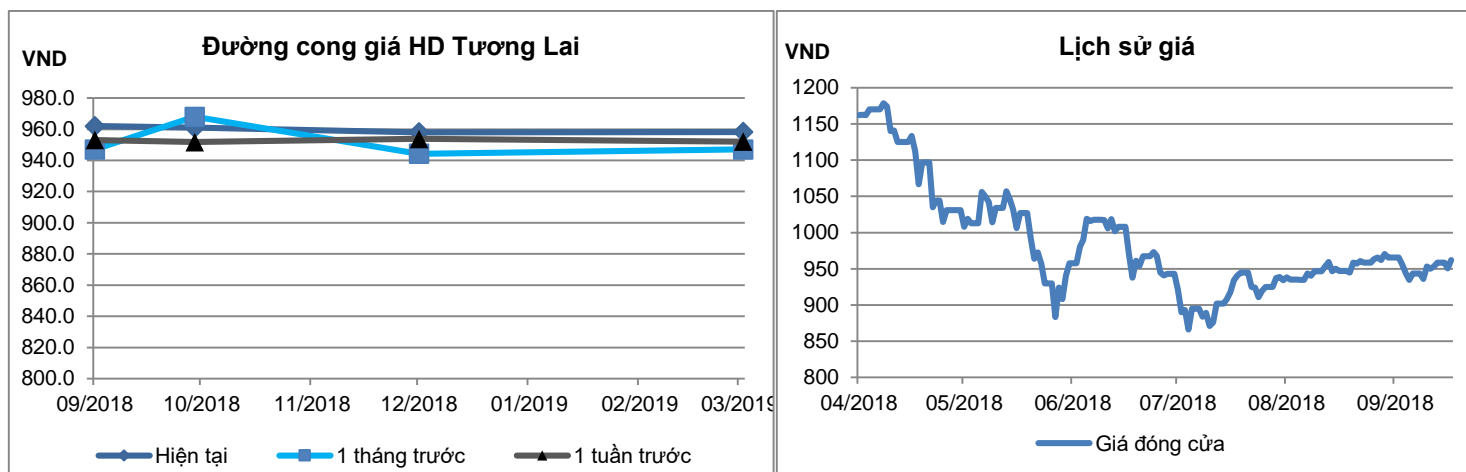
Chiến lược đầu tư:

-Long trong phiên hợp đồng VN30F1809 hoặc VN30F1810 (do hợp đồng tháng 09 sắp đáo hạn) với điểm vào lệnh 959-961 điểm. Mục tiêu 964.5 điểm. Dừng lỗ khi giá thủng 955 điểm.

-Short VN30F1809 hoặc VN30F1810 vùng 964.6-965 điểm. Mục tiêu 955 điểm. Dừng lỗ >967 điểm.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	KLGD	KL Mở	Ngày thanh toán cuối cùng	Thời gian còn lại
	Đơn vị: Điểm	Điểm	%	cp/hợp đồng	hợp đồng		ngày
VN30 Index	960	6.0	0.6%	43,725,890			
VN30F1809	962	11.5	1.2%	76,287	14,283	20/09/2018	4
VN30F1810	961	11.8	1.2%	1,876	955	18/10/2018	32
VN30F1812	958	11.0	1.2%	107	603	20/12/2018	95
VN30F1903	958	6.7	0.7%	73	206	21/03/2019	186



DANH SÁCH CP CHỈ SỐ VN30

Mã CP	Tên	Ngành	Tỷ trọng	Giá đóng cửa	Vốn hóa	PER	PBR	KLGD 3 tháng	SH Nước Ngoài	Cao 52 Tuần	Thấp 52 Tuần
		Đơn vị:	%	VND	Tỷ VND	x	x	'000 cp	%	VND	VND
BMP	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	Công nghiệp	0.4%	56,800	4,650	10.1	2.0	158	75%	98,800	51,200
CII	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	Công nghiệp	0.9%	26,300	6,436	#N/A N/A	1.3	609	56%	39,500	24,200
CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Cotecccons	Công nghiệp	1.3%	164,000	12,839	8.1	1.7	198	43%	244,900	120,400
CTG	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Tài chính	1.8%	26,050	96,995	12.5	1.4	5,692	30%	38,250	18,300
DHG	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	Chăm sóc sức khỏe	0.8%	91,600	11,976	22.7	4.1	214	46%	118,900	83,700
DPM	Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Nguyên vật liệu	0.5%	17,400	6,809	12.0	0.9	663	20%	26,600	16,100
FPT	Công ty Cổ phần FPT	CNTT	3.9%	43,300	26,567	8.5	2.3	923	49%	56,957	38,500
GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Dịch vụ tiện ích	1.8%	100,100	191,586	17.3	4.4	603	4%	136,400	63,500
GMD	Công ty Cổ phần Gemadep	Công nghiệp	0.8%	26,650	7,913	4.3	1.3	517	20%	39,473	23,000
HPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Nguyên vật liệu	9.0%	38,600	81,983	9.2	2.2	5,815	39%	48,429	24,857
HSG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Sen	Nguyên vật liệu	0.5%	10,600	4,080	5.7	0.8	3,051	20%	27,136	9,318
KDC	Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO	Hàng tiêu dùng thiết yếu	0.7%	30,600	6,293	#N/A N/A	1.0	135	21%	45,800	28,900
MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	Tài chính	5.0%	22,750	49,150	10.8	1.7	6,010	20%	31,471	17,815

MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.2%	93,000	97,952	17.3	5.8	746	29%	118,000	47,600
MWG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Hàng tiêu dùng thiết yếu	4.5%	116,300	37,549	13.7	5.0	650	49%	138,600	98,000
NVL	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản	3.7%	63,600	57,714	25.1	4.1	1,330	9%	78,800	44,580
PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Năng lượng	1.4%	67,000	77,640	20.7	4.1	646	11%	95,500	51,800
PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	Hàng tiêu dùng thiết yếu	2.0%	97,500	15,809	19.1	4.7	512	49%	138,733	68,000
REE	Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh	Công nghiệp	1.1%	34,800	10,790	6.5	1.3	462	49%	44,750	29,150
ROS	Công ty Cổ phần Xây dựng FLC FAROS	Công nghiệp	1.1%	40,650	23,073	29.5	4.0	936	2%	187,500	37,600
SAB	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Hàng tiêu dùng thiết yếu	3.9%	222,900	142,942	31.5	9.1	62	10%	347,000	193,800
SBT	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Hàng tiêu dùng thiết yếu	0.9%	18,800	9,314	17.9	1.5	2,348	8%	31,800	13,300
SSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Tài chính	1.7%	30,900	15,445	12.0	1.7	4,137	56%	44,400	21,900
STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	Tài chính	3.5%	11,100	20,021	13.5	0.8	4,743	10%	17,300	9,670
VCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	Tài chính	4.0%	60,600	218,025	19.3	3.7	2,305	21%	76,500	37,100
VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	Bất động sản	9.3%	101,500	323,950	78.5	7.2	1,520	8%	113,058	39,298
VJC	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Công nghiệp	7.4%	149,500	80,971	15.8	7.6	653	25%	191,167	76,786
VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.1%	125,500	218,551	24.8	8.4	927	59%	179,167	122,667
VPB	Ngân hàng Viet Nam Thịnh Vượng	Tài chính	6.8%	25,350	61,424	9.5	2.2	4,645	23%	40,848	21,008
VRE	CTCP Vincom Retail	Bất động sản	5.8%	36,800	69,960	46.5	2.7	1,275,070	3150%	61,500	35,000

Lịch sự kiện

Ngày GDKHQ	Mã	Sàn	Nội dung sự kiện
19/09/2018	HSL	HSX	Trả cổ tức năm 2016 và năm 2017 (tỷ lệ 4:1)
19/09/2018	PVO	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trả cổ tức bằng tiền mặt (200đ/cp)
19/09/2018	HDB	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
19/09/2018	HCC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (3.000đ/cp)
20/09/2018	VNF	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)
20/09/2018	HAT	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
20/09/2018	SNZ	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (700đ/cp)
20/09/2018	SPP	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10%), trả cổ phiếu thưởng (tỷ lệ 35%)
21/09/2018	HU6	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018, trả cổ tức bằng tiền mặt (1.800đ.cp)
21/09/2018	KDH	HSX	Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền (500 đ/cp), bằng cp (100:5)
21/09/2018	PCN	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018

Liên hệ:

Trụ sở chính

Tòa nhà TNR

Tầng 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM.

ĐT: (+84 28) 3914 8585

Fax: (+84 28) 3821 6899

Chi nhánh Hà Nội

Tòa nhà CTM

Tầng 6, 299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: (+84 24) 3974 4448

Fax: (+84 24) 3974 4501

Phòng khách hàng định chế

Lâm Hạnh Uyên

Trưởng phòng khách hàng Định
chế

(+84 28) 3914 8585 (x1444)

uyen.lh@kisvn.vn

Khuyến cáo

Bản báo cáo này do Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS) phát hành với sự đóng góp của các chuyên gia của KIS được nêu trong báo cáo. Báo cáo này được viết nhằm mục đích cung cấp thông tin cho khách hàng là các tổ chức đầu tư, các chuyên gia hoặc các khách hàng cá nhân của KIS tại Việt Nam.

Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh.

Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. KIS không đưa ra, một cách ẩn ý hay rõ ràng, bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này.

Các nhận định, đánh giá và dự đoán trong báo cáo này được đưa ra dựa trên quan điểm chủ quan của chúng tôi vào thời điểm đưa ra báo cáo này và có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần báo trước.

KIS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư hoặc tiến hành các công việc kinh doanh khác cho các công ty được đề cập đến trong báo cáo này. Ngoài ra, KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có liên quan đến việc viết hay phát hành báo cáo này có thể đã, đang và sẽ mua hoặc bán có kỳ hạn chứng khoán hoặc chứng khoán phái sinh (bao gồm quyền chọn) của các công ty được đề cập trong báo cáo này, hoặc chứng khoán hay chứng khoán phái sinh của công ty có liên quan theo cách phù hợp hoặc không phù hợp với báo cáo và các ý kiến nêu trong báo cáo này. Vì thế, nhà đầu tư nên ư thức rằng KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có thể có xung đột lợi ích mà điều đó có thể ảnh hưởng đến nhận định.

Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS.